

Bản án số: **130/2025/DS-ST**

Ngày: 30/9/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp*

đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hơn.

2. Ông Nguyễn Văn Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2025/TLST – DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141 /2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1979.

1.2. Bà Trần Thị Nhớ E, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 7, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần Thanh P, sinh năm 1997.

Địa chỉ: số C, ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2024.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thành C1, sinh năm 1980.

2.2. Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 1, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long).

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có lời trình bày:

Vào ngày 26/8/2021âm lịch (nhằm ngày 02/10/2021dương lịch), vợ chồng ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Nhớ E có cho vợ chồng ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Ngọc D vay số tiền 400.000.000đồng, việc vay và giao nhận tiền hai bên có lập thành văn bản. Lúc đó, vợ chồng ông C, bà N Em không có tiền nên ông C1, bà D đề nghị ông C, bà N Em mang thế chấp quyền sử dụng đất của ông bà tại Ngân hàng để vay tiền, rồi cho ông C1, bà D vay lại để làm ăn, tiền lãi đóng cho Ngân hàng thì ông C1, bà D có trách nhiệm đóng cho ông C, bà Nhớ E. Vì chỗ bạn bè quen biết nên ông C, bà Nhớ E đồng ý.

Sau khi vay tiền thì ông C1, bà D đóng lãi được vài tháng với số tiền 2.500.000đồng/tháng.

Từ đầu năm 2024, ông C1, bà D không đóng lãi cho ông C, bà Nhớ E nữa. Khi ông C, bà E yêu cầu bị đơn đóng lãi và trả tiền gốc thì bị đơn viện đủ lý do không trả nợ cho ông bà.

Nay ông C, bà N Em yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C1, bà D có trách nhiệm trả lại cho ông bà số tiền đã vay 400.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ khởi kiện là giấy nợ có nội dung mượn tiền đề ngày 26/8/2011 và kết quả giám định chữ ký, chữ viết ngày 20/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B.

Bị đơn ông Nguyễn Thành C1, bà Lê Thị Ngọc D vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên không có lời trình bày.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay 400.000.000đồng.

Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về hình thức:

Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ủy quyền hợp lệ cho người khác tham gia tố tụng vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 26/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 02/10/2021 dương lịch), vợ chồng ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Nhớ E có cho vợ chồng ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Ngọc D vay số tiền 400.000.000 đồng, việc vay và giao nhận tiền hai bên có lập thành văn bản. Sau khi vay tiền thì ông C1, bà D đóng lãi được vài tháng với số tiền 2.500.000 đồng/tháng đến đầu năm 2024, ông C1, bà D không đóng lãi cho ông C, bà Nhớ E nữa. Khi ông C, bà E yêu cầu bị đơn đóng lãi và trả tiền gốc thì bị đơn viện đủ lý do không trả nợ cho ông bà.

Do các bên không thống nhất về quyền và nghĩa vụ đối với việc thực hiện hợp đồng vay tài sản vì vậy phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính giấy nợ có nội dung mượn tiền đề ngày 26/8/2011 âm lịch và kết quả giám định chữ ký, chữ viết ngày 20/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B. Nội dung giấy nợ có ghi “Nay ngày 26-8-21011 (Theo nguyên đơn là năm 2021)...Tôi tên Nguyễn Thành C1. Sinh năm 1980 - vợ Lê Thị Ngọc Diễm S năm 1975. Vợ chồng tôi có mượn của vợ chồng Đặng Văn C: 1979 vợ Trần Thị N E: 1980...Với số tiền 400.000.000 đồng viết chữ Bốn trăm triệu chẵn” bên dưới người mượn có ký và ghi tên Nguyễn Thành C1 và Lê Thị Ngọc D.

Phía nguyên đơn yêu cầu giám định, chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thành C1 và Lê Thị Ngọc D. Tại kết luận giám định số 234/2025/KL-KTHS ngày 20/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận như sau:

+ Chữ ký dạng chữ viết “Công”, chữ viết “Nguyễn Thành C1” dưới mục “Người mượn” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “C1”, chữ viết “Nguyễn Thành C1” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký dạng chữ viết “Diễm”, chữ viết “Lê Thị Ngọc D” dưới mục “Người mượn” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “Diễm”, chữ viết “Lê Thị Ngọc D” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra.

Nhận thấy, lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không có trình bày ý kiến phản đối, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án. Bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 vì vậy khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 400.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc tính lãi do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu **vì vậy** được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3].Về án phí:

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ vì vậy phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định số tiền 400.000.000đồng x 5% = 20.000.000đồng.

Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4].Về chi phí tố tụng:

Chi phí giám định chữ ký chữ, chữ viết là 7.264.000đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn phải có nghĩa vụ chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Nhớ E đối với ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Ngọc D về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Nhớ E số tiền vay 400.000.000đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Ngọc D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định số tiền 20.000.000đồng.

Trả lại cho ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Nhớ E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005825 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3.Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ chịu và phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Nhớ E số tiền 7.264.000đồng

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD, KT, TT và THA TAND
tỉnh Vĩnh long
- VKSND khu vực 6 - vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6 - vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Cường